

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

(Hệ đào tạo chính quy)

Ban hành theo quyết định số:
Tây Đô – Thành Phố Cần Thơ.

Ngày / / 2009 của Hiệu trưởng trường Đại học

1. Ngành đào tạo: KẾ TOÁN

2. Mã ngành:

3. Thời gian đào tạo: 24 tháng (2 năm)

4. Đối tượng: Học sinh đã tốt nghiệp Trung Học Phổ Thông các hệ.

5. Giới thiệu chương trình:

Chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp ngành Kế toán được thiết kế để đào tạo kế toán viên trình độ TCCN có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Nội dung khóa học bao gồm những kiến thức cơ bản về Kinh tế học, Nguyên lý kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán ngân hàng và các kiến thức liên quan đến luật kinh tế, kế toán, hiểu biết chuyên sâu cả lý thuyết và thực hành về kế toán và khai báo thuế, báo cáo tài chính...

Sau khi học xong chương trình học sinh có thể làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các cơ quan nhà nước, các ngân hàng nhà nước và tư nhân...

Chương trình này đảm bảo tính liên thông với chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán hoặc các ngành tương đương thuộc khối kinh tế.

6. Mục tiêu đào tạo:

6.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kế toán viên trình độ trung cấp, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, luật pháp và tài chính, tiên tệ theo yêu cầu của cán bộ trung cấp kinh tế; có khả năng thực hành thành thạo nghiệp vụ kế toán đúng với chuyên ngành ở vị trí công tác được giao; có khả năng vận dụng những kiến thức được đào tạo vào thực tế công tác, rèn luyện tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Biết sử dụng một số kỹ thuật hành chính về soạn thảo văn bản, sắp xếp hồ sơ công việc trong phân hành phụ trách. Biết sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công tác kế toán đồng thời có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

- Người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp chuyên ngành kế toán DNSX có khả năng tìm việc làm tại các cơ quan quản lý tài chính chuyên ngành; các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân với chức năng, nhiệm vụ là kế toán viên (trung cấp) và cán sự quản lý tài chính.

6.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong chương trình người học có khả năng:

a) Về kiến thức

Cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản và nâng cao về Kế toán tài chính, kế toán kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp, Ngân hàng và Cơ quan hành chính sự nghiệp.

b) Về kỹ năng

- + Vận dụng thành thạo lý thuyết kế toán vào công việc như là tính toán được tiền lương và các khoản trích theo lương,
- + Xác định được các loại chi phí và doanh thu phát sinh trong doanh nghiệp
- + Xác định được lợi nhuận trong doanh nghiệp
- + Hạch toán thành thạo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp
- + Ghi vào sổ sách kế toán theo các hình thức như là ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ; ghi sổ theo hình thức nhật ký sổ cái, ghi sổ theo hình thức nhật ký chung; ghi sổ theo hình thức nhật ký chứng từ
- + Lập – Đọc và phân tích được báo cáo tài chính
- + Giải quyết được các vấn đề phát sinh trong công tác kế toán
- + Vận dụng thành thạo vi tính văn phòng như là word, excel, powerpoint, Internet, tin học ứng dụng trong kinh doanh, tin học kế toán trong công tác kế toán và công tác kinh doanh.
- + Tính toán và khai báo các loại thuế như là thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu,...
- + Lập dự toán kinh doanh cho đơn vị
- + Hạch toán được một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các đơn vị đặc thù như là: Bru điện, Hành chính sự nghiệp, kho bạc...

c) Về thái độ

Có phẩm chất đạo đức, có sức khoẻ, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở nơi làm việc.

7. Kế hoạch thực hiện

7.1. Phân bố thời gian hoạt động toàn khoá (kế hoạch tổng thể)

Hoạt động đào tạo	Đơn vị tính	Hệ tuyển THPT	Hệ tuyển THCS	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Học	Tuần	52		
2. Sinh hoạt công dân	Buổi	1		
3. Thi	Tuần	8		
3.1. Thi học kỳ		5		
3.2. Thi tốt nghiệp		3		
4. Thực tập	Tuần	10		
4.1. Thực tập môn học		2		
4.2. Thực tập tốt nghiệp		8		

Hoạt động đào tạo	Đơn vị tính	Hệ tuyển THPT	Hệ tuyển THCS	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5. Hoạt động ngoại khóa	Tuần	2		
6. Nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ	Tuần	12		
7. Lao động công ích	Tuần	2		
8. Dự trữ	Tuần	2		
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)		104		

7.2. Các môn học của chương trình và thời lượng

Tên môn học	ĐVHT	Số tiết học		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
B. Môn chung				
1. Chính trị	6	90	90	
2. Pháp luật đại cương	2	30	30	
3. Tin học căn bản	4	90	30	60
4. Tiếng Anh căn bản 1	5	120	30	90
4. Tiếng Anh căn bản 2	5	120	30	90
5. Giáo dục thể chất 1	1			
6. Giáo dục thể chất 2	1			
7. Giáo dục quốc phòng	3	75		
C. Môn cơ sở				
1. Luật kinh tế	3	45	45	
2. Soạn thảo văn bản	2	45	15	30
3. Kinh tế vi mô	4	75	45	30
4. Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3	60	30	30
5. Nguyên lý kế toán	4	90	30	60
6. Marketing căn bản	4	90	30	60
7. Quản trị học	3	60	30	30
D. Môn chuyên môn				
<i>DI. Môn bắt buộc</i>				
1. Thuế	4	90	30	60
2. Thống kê doanh nghiệp	4	90	30	60
3. Kế toán doanh nghiệp 1	6	150	30	120
4. Kế toán doanh nghiệp 2	6	150	30	120
5. Tài chính doanh nghiệp	4	90	30	60
6. Tin học kế toán	6	120		120
7. Kế toán ngân sách	3	60	30	30
8. Kế toán hành chính sự nghiệp	3	60	30	30
9. Kế toán quản trị	4	90	30	60
10. Kiểm toán	4	90	30	60
11. Quản trị doanh nghiệp	3	60	30	30

<i>D 2. Môn tự chọn</i>				
1. Phân tích báo cáo tài chính	3	60	30	30
2. Phân tích hoạt động kinh doanh	3	60	30	30
<i>Tổng số tiết</i>		2250	840	1410
<i>Lý thuyết</i>				
<i>Thực hành</i>				
<i>ĐVHT</i>		100		

7.3. Thực tập

Môn thực tập	ĐVHT	Hệ số	Thời lượng		Năm thứ 1		Năm thứ 2		Địa điểm
			Tuần	Giờ	KH1	HK2	HK3	HK4	
A. Thực tập									
1. Thực tập cơ bản: Tổ chức Seminar về lĩnh vực Kế toán.			1			x			Tại trường
2. Thực tập nâng cao: Tiếp xúc trực tiếp các doanh nghiệp.			1				x		Tại các đơn vị thực tập
B. Thực tập tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2)									
1. Đến thực tập tại một tổ chức kinh tế, làm báo cáo thực tập			8					x	Tại các đơn vị thực tập
2. Thực tập tại chỗ (Trường) qua mô hình kế toán thực tế.			8					x	Tại trường
Tổng cộng			10						

7.4. Thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi (Viết, vấn đáp, T. hành)	Thời gian (phút)	Ghi chú
1	Chính trị	Viết	120	
2	Lý thuyết tổng hợp: - Kế toán doanh nghiệp	Viết	150	
3	Thực hành nghề nghiệp: Lập báo cáo tài chính và khai báo thuế	Thực hành	150	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP (Hệ đào tạo chính quy)

1. Ngành đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH

2. Mã ngành (theo Danh mục ngành đào tạo TCCN hiện hành):.....

3. Thời gian đào tạo (số tháng): 24 tháng (2 năm)

4. Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

5. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) ngành Tài chính – Ngân hàng được xây dựng trên cơ sở Quyết định số 40/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đào tạo học sinh thành những cán bộ có trình độ

trung cấp, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật, có tác phong công nghiệp và có sức khỏe để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nội dung khóa học bao gồm những kiến thức cơ bản về Kinh tế học, Quản trị căn bản, Quản trị bán hàng, các kiến thức về kinh tế và pháp luật kinh tế, hiểu biết chuyên sâu cả lý thuyết và thực hành về các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến quản trị kinh doanh.

Sau khi học xong chương trình người học có thể làm việc tại các phòng ban chức năng của doanh nghiệp như phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng marketing, phòng tổ chức nhân sự hoặc thư ký giúp việc cho các nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp, các chuyên viên ở các phòng ban chức năng của doanh nghiệp.

Chương trình này đảm bảo tính liên thông với chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh.

6. Mục tiêu đào tạo

Để có đầy đủ năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức khi ra trường, học sinh được đào tạo ở trình độ trung cấp cần đạt được các mặt sau:

6.1 Về kiến thức

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh doanh hoạt động trong điều kiện cơ chế thị trường. Người học sẽ được chỉ dẫn về cách thức thực hiện các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra và đánh giá trong thực tiễn quản lý kinh doanh nói chung cũng như quản trị các lĩnh vực hoạt động khác nhau của một tổ chức kinh doanh.

6.2 Về kỹ năng

Rèn luyện cho người học các phẩm chất cần có của doanh nhân như khả năng nhận định tình huống, khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh; các kỹ năng giao tiếp, đàm phán và quan hệ với công chúng cũng được chú ý.

7.4. Về tác phong, thái độ nghề nghiệp

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác trong công việc.
- Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao.
- Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

7.5. Về đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân

- Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp.
- Có tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm pháp luật trong quản lý kinh tế, kinh doanh của đơn vị và trong đời sống kinh tế – xã hội.
- Có tinh thần làm chủ, trung thực, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư trong công tác được giao.

7. Nội dung chương trình

7.1 Phân bổ thời gian hoạt động toàn khóa (Kế hoạch tổng thể)

Hoạt động đào tạo	Đơn vị tính	Hệ tuyển THPT	Hệ tuyển THCS	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Học	Tuần	52		
2. Sinh hoạt công dân	Buổi	1		
3. Thi	Tuần	8		
3.1. Thi học kỳ		5		
3.2. Thi tốt nghiệp		3		
4. Thực tập	Tuần	10		
4.1. Thực tập môn học		2		
4.2. Thực tập tốt nghiệp		8		
5. Hoạt động ngoại khóa	Tuần	2		
6. Nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ	Tuần	12		
7. Lao động công ích	Tuần	2		
8. Dự trữ	Tuần	2		
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)		104		

7.2 Các môn học của chương trình và thời lượng

Tên môn học	ĐVHT	Số tiết học		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
B. Môn chung				
1. Chính trị	6	75	75	
2. Pháp luật đại cương	2	30	30	
3. Tin học căn bản	4	90	30	60
4. Tiếng Anh căn bản 1	5	120	30	90
4. Tiếng Anh căn bản 2	5	120	30	90
5. Giáo dục thể chất 1	1	30		30
6. Giáo dục thể chất 2	1	30		30
7. Giáo dục quốc phòng	3	75	75	
C. Môn cơ sở				
1. Luật kinh tế	3	45	45	
2. Soạn thảo văn bản	2	30	15	30
3. Kinh tế vi mô	4	75	45	30
4. Lý thuyết tài chính	3	60	30	30
5. Nguyên lý kế toán	4	90	30	60
6. Marketing căn bản	4	90	30	60
7. Quản trị học	3	60	30	30
D. Môn chuyên môn				
<i>DI. Môn bắt buộc</i>				

1. Thuế	4	90	30	60
2. Thống kê doanh nghiệp	4	90	30	60
3. Thương mại điện tử	2	45	15	30
4. Quản trị hành chính văn phòng	2	45	15	30
5. Quản trị Tài chính	4	90	30	60
6. Tin học ứng dụng	4	120		120
7. Quản trị nhân sự	3	60	30	30
8. Quản trị Marketing	3	60	30	30
9. Thanh toán quốc tế	3	60	30	30
10. Quản trị sản xuất	3	60	30	30
10. Quản trị doanh nghiệp	3	60	30	30
11. Nghiên cứu Marketing	4	90	30	60
12. Thị trường chứng khoán	3	60	30	30
13. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	45	15	30
14. Quản trị chất lượng	3	60	30	30
<i>D2. Môn tự chọn</i>				
1. Thiết lập thẩm định dự án đầu tư	3	60	30	30
2. Phân tích hoạt động kinh doanh	3	60	30	30
Tổng số tiết	100	2115	900	1230

7.3 Thực tập

Môn thực tập	ĐVHT	Hệ số	Thời lượng		Năm thứ 1		Năm thứ 2		Địa điểm
			Tuần	Giờ	KH1	HK2	HK3	HK4	
A. Thực tập									
1. Thực tập cơ bản: Tổ chức Seminar về lĩnh vực Quản trị kinh doanh.			1			x			Tại trường
2. Thực tập nâng cao: Tiếp xúc trực tiếp các doanh nghiệp			1				x		Tại các đơn vị thực tập
B. Thực tập tốt nghiệp (Chọn 1 trong 2)									
1. Đến thực tập tại một tổ chức kinh tế, làm báo cáo thực tập			8					x	Tại các đơn vị thực tập
2. Thực tập tại chỗ (Trường) qua mô hình mô phỏng các nghiệp vụ trong doanh nghiệp.			8					x	Tại trường
Tổng cộng			10						

7.4. Thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian	Ghi chú
----	---------	---------------	-----------	---------

a) Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về nghiệp vụ tài chính tiền tệ như: tiền tệ - tín dụng, tài chính, hạch toán kế toán, thuế nhà nước, kiểm toán...
- Áp dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn đã học để phân tích tình hình tài chính tiền tệ, tín dụng, thị trường...
- Đạt được trình độ cơ sở của tiếng Anh, khả năng giao tiếp, ứng xử và phong cách hội nhập với nền kinh tế, xã hội trong thời kì hội nhập.

b) Về kỹ năng

- Áp dụng thành thạo một số nghiệp vụ chủ yếu của ngành ngân hàng, đặc biệt là các kỹ năng tín dụng, kế toán ngân hàng, kỹ năng phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư.
- Có khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ. Biết vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.
- Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học và tin học hoá trong công tác tín dụng kế toán ngân hàng
- Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có khả năng thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ tín dụng ngân hàng trên các ứng dụng phần mềm hiện đại.

c) Về thái độ

Có phẩm chất đạo đức, có sức khoẻ, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao ở nơi làm việc.

14. Kế hoạch thực hiện

14.1. Phân bố thời gian hoạt động toàn khoá (kế hoạch tổng thể)

Hoạt động đào tạo	Đơn vị tính	Hệ tuyển THPT	Hệ tuyển THCS	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Học	Tuần	52		
2. Sinh hoạt công dân	Buổi	1		
3. Thi	Tuần	8		
3.1. Thi học kỳ		5		
3.2. Thi tốt nghiệp		3		
4. Thực tập	Tuần	10		
4.1. Thực tập môn học		2		
4.2. Thực tập tốt nghiệp		8		
5. Hoạt động ngoại khoá	Tuần	2		
6. Nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ	Tuần	12		
7. Lao động công ích	Tuần	2		

Hoạt động đào tạo	Đơn vị tính	Hệ tuyển THPT	Hệ tuyển THCS	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
8. Dự trữ	Tuần	2		
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)		104		

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRUNG CẤP

Ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã ngành:

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

5. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: 91 đvht

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm)

5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ ĐVHT	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	36	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	68	
Tổng khối lượng	104	

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

6.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

36 đvht

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
1	Chính trị	6
2	Giáo dục thể chất 1	1
3	Anh văn căn bản 1, 2	10
4	Tin học căn bản	4
5	Toán rời rạc 1 – ĐS Bool	3
6	Lập trình căn bản A	5
7	Giáo dục quốc phòng	4
8	Internet	3
Tổng cộng		36 ĐVHT

6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

68 đvht

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
-----	--------------	---------

1	Cấu trúc dữ liệu	5
2	Lập trình quản lý Access	4
3	Kiến trúc máy tính	3
4	Hệ cơ sở dữ liệu	4
5	Hệ điều hành	4
6	Lập trình Web	3
7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	4
8	Mạng máy tính	3
9	Thiết kế cài đặt mạng	3
10	Lập trình hướng đối tượng C++	4
11	An toàn hệ thống và an ninh mạng	2
12	Kỹ thuật đồ họa - CNTT	2
13	Phân tích và thiết kế HTTT	4
14	Thực tập tốt nghiệp 8 tuần	8
TỔNG CỘNG		68 ĐVHT

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRUNG CẤP

Ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Mã ngành:

Loại hình đào tạo: Chính quy

5. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: 102 đvht

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ, 2 học kỳ mỗi năm)

5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ ĐVHT	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	52	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	50	
Tổng khối lượng	102	

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

6.1. Kiến thức giáo dục cơ bản:

28 đvht

STT	MÃ MH	TÊN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
-----	-------	--------------	---------

1	ML134_(5)	Chính trị	6
2	TC100_(1)	Thẻ dực 1	1
3	NN681_(6)	Anh văn căn bản 1	5
4	TN033_(2)	Tin học căn bản	2
5	TN034_(2)	Thực tập tin học căn bản	2
6	KL001_(2)	Pháp luật đại cương	2
7	TC101_(1)	Thẻ dực 2	1
8	NN682_(7)	Anh văn căn bản 2	5
9	QP001_(4)	Giáo dục quốc phòng	4
TỔNG CỘNG			28 ĐVHT

6.2. Kiến thức giáo dục chuyên ngành:

54 đvht

STT	MÃ MH	TÊN HỌC PHẦN	SỐ ĐVHT
A. Kiến thức cơ sở			24 đvht
1	CN131_(4)	Hình Hoạ & vẽ kỹ thuật-xd	5
2	CN101_(4)	Cơ lý thuyết - XD	3
3	CN104_(3)	Vật liệu xây dựng	3
4	CN110_(3)	Trắc địa đại cương	3
5	CN116_(2)	Kỹ thuật điện xây dựng	2
6	CN114_(4)	Cơ học kết cấu	4
7	CN331_(2)	Tin học ứng dụng Autocad 2D	2
8	CN337_(2)	Luật xây dựng	2
B. Kiến thức ngành			22 đvht
1	CN311_(3)	Máy xây dựng	3
2		Dự toán xây dựng	2
3	CN352_(3)	Kỹ thuật thi công	3
4	CN401_(2)	Cấu tạo kiến trúc	3
5	CN121_(3)	Kết cấu bê tông cơ sở	3
6	CN121_(3)	Kết Cấu gỗ, gạch đá	3
7	CN351_(2)	Tổ chức thi công	3
8		An toàn lao động	2
C. Thực tập môn			2 đvht
1	CN352	TT.Vật liệu xây dựng	1

2	CN111_(1)	TT.Trắc địa đại cương	1
D. Thực tập thực tế			6 đvht
		Thực tập nghề nghiệp	6
TỔNG CỘNG			54 ĐVHT